

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Vn-Index diễn biến giằng co và giảm điểm vào cuối phiên trước lo ngại về diễn biến tiêu cực tình hình dịch bệnh liên quan đến chùm ca bệnh tại Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giằng co khi tình hình Covid-19 ở Việt Nam diễn biến phức tạp

[Thông tin doanh nghiệp]

PLX, VCG

[Cập nhật công ty]

VIC

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị ưu tiên tập trung cho các vị thế ngắn hạn, nắm giữ 1 phần nhỏ và trading quay vòng phần còn lại, trong nhịp này

06/05/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,250.57	-0.47
VN30	1,344.64	-0.17
HĐTL VN30F1M	1,336.50	+0.04
HNXIndex	281.09	+0.06
HNX30	419.80	-0.80
UPCoM	81.18	+0.64
USD/VND	23,064	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.37	+0
Lãi suất qua đêm (%)	1.06	+20
Dầu (WTI, \$)	65.26	-0.56
Vàng (LME, \$)	1,793.22	+0.36



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,250.57 (-0.47%)
KLGD (triệu CP) 730.4 (+11.6%)
GTGD (triệu US\$) 880.8 (-4.2%)

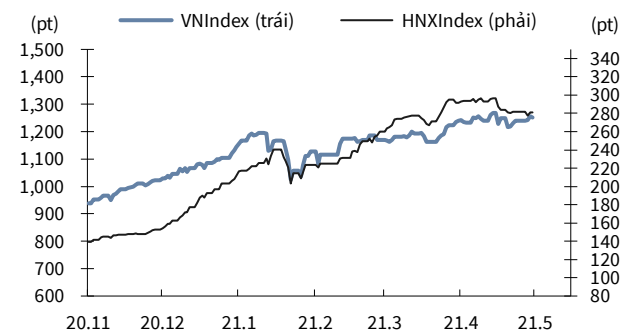
HNXIndex 281.09 (+0.06%)
KLGD (triệu CP) 115.1 (-14.7%)
GTGD (triệu US\$) 86.6 (-15.0%)

UPCoM 81.18 (+0.64%)
KLGD (triệu CP) 52.2 (-15.4%)
GTGD (triệu US\$) 38.7 (+7.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -49.1

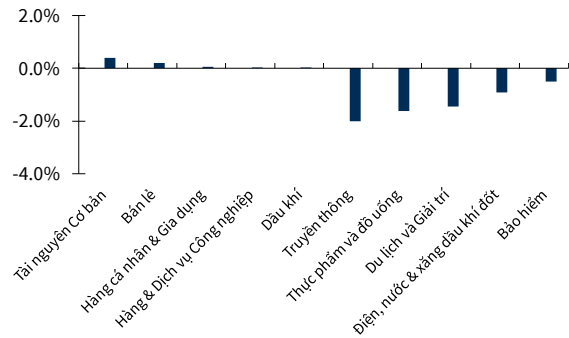
Vn-Index diễn biến giằng co và giảm điểm vào cuối phiên trước lo ngại về diễn biến tiêu cực tình hình dịch bệnh liên quan đến chùm ca bệnh tại Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương. Cổ phiếu ngành hàng không phản ứng tiêu cực trước thông tin trên VJC (-2%), HVN (-0.7%). Theo nghiên cứu của Furniture Today, Việt Nam vượt Trung Quốc trở thành nhà xuất khẩu đồ nội thất lớn nhất sang Mỹ giúp cổ phiếu ngành gỗ giao dịch tích cực hơn thị trường chung DLG (+1.6%), GTA (+1.3%). Hiệp hội dệt may Việt Nam dự báo kim ngạch xuất khẩu dệt may năm 2021 sẽ khả quan và có thể hoàn thành kế hoạch 39 tỷ USD đã đề ra khi nhiều doanh nghiệp ngành dệt may đã có đơn hàng đến hết quý III/2021, thậm chí hết năm giúp cổ phiếu dệt may tăng giá ở TCM (+5.4%), VGT (+4.1%). Cổ phiếu ngành thép tăng giá NKG (+1.8%), HPG (+0.2%) sau khi Trung Quốc tuyên bố đình chỉ mọi hoạt động kinh tế với Australia, trong đó có hoạt động xuất khẩu quặng sắt. Khối ngoại bán ròng ở VPB (+2.0%), VNM (-2.6%), HPG (+0.2%).

VNIndex & HNXIndex



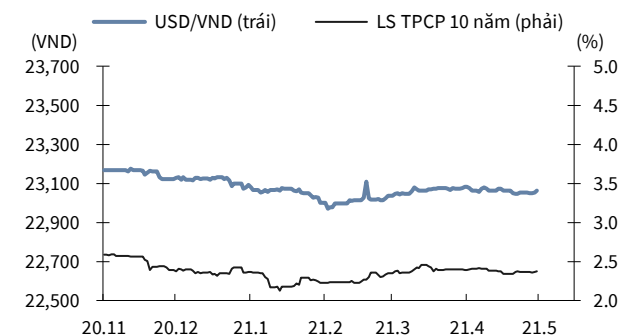
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

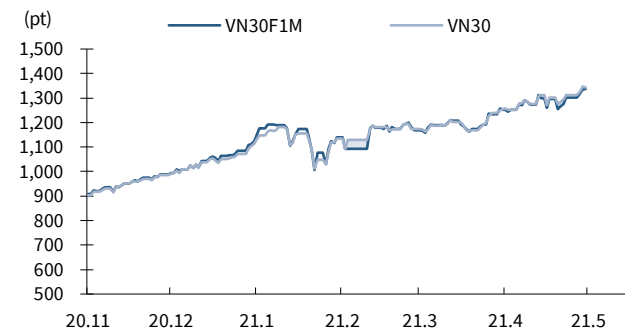
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,344.64 (-0.17%)
VN30F1M	1,336.5 (+0.04%)
Mở cửa	1,340.6
Cao nhất	1,343.9
Thấp nhất	1,327.1

HĐTL giằng co khi tình hình Covid-19 ở Việt Nam diễn biến phức tạp. Chênh lệch F2105 và VN30 mở cửa ở mức -5.69 và giao động giằng co trong biên độ -6.58 và -13.05, đóng cửa ở mức -8.14. NĐTNN mua mạnh trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

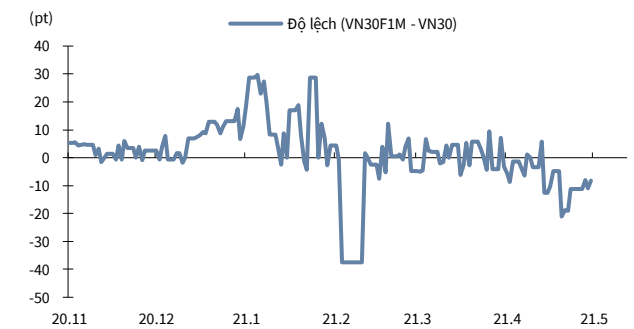
KLGD (HĐ)	253,917 (+12.9%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



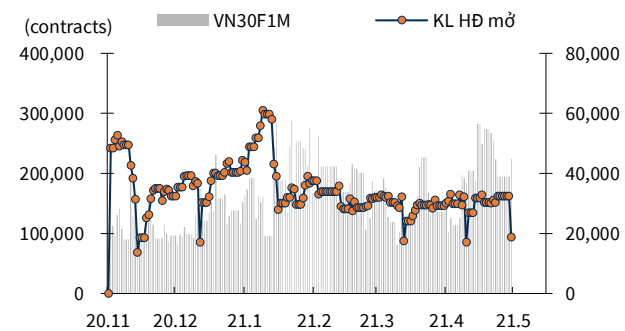
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



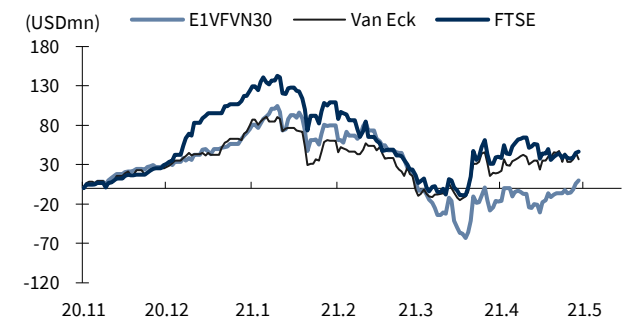
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

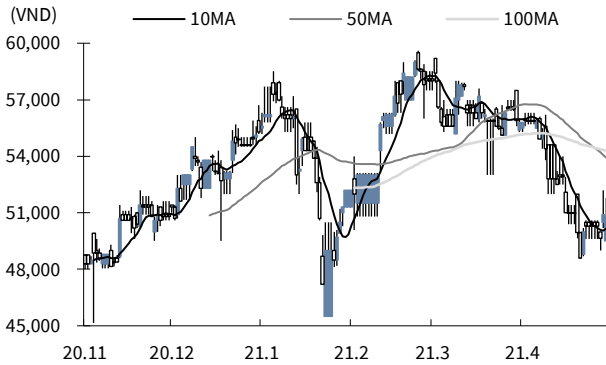
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (PLX)

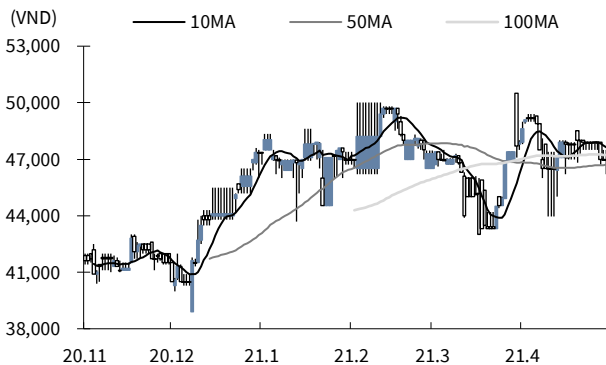


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PLX giảm -0.2% xuống 50,800 VNĐ/cp.

- PLX công bố kết quả kinh doanh Q1/2021 với lợi nhuận đạt 736 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước lỗ hơn 1,813 tỷ đồng và doanh thu 38,269 tỷ đồng (-0.6% YoY). Trong Quý 1/2021 giá dầu thế giới (WTI) có xu hướng tăng đều từ 47.62 USD/thùng đầu năm lên 59.16 USD/thùng vào thời điểm cuối quý 1 nên hoạt động kinh doanh xăng dầu được cải thiện.

Vinaconex (VCG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCG đi ngang đóng cửa ở 47,000 VNĐ/cp.

- Quý I/2021, VCG ghi nhận lợi nhuận đạt 345 tỷ đồng, gấp 5.4 lần cùng kỳ trong khi doanh thu chỉ đạt 952 tỷ đồng (-4.8% YoY). Lợi nhuận khả quan nhờ biên lợi nhuận gộp cải thiện và tiết giảm chi phí.
- Trong mảng xây lắp, tính đến hết quý I/2021, giá trị các hợp đồng xây dựng mà VCG đã ký kết ước đạt gần 15,000 tỷ đồng.

Vingroup (VIC)

KQKD Q1/2021 hồi phục khả quan

Vingroup đã công bố KQKD quý 1/2021 với doanh thu 2020 đạt gần 23.3 nghìn tỷ (+52%yoy), LNST cổ đông mẹ đạt gần 2.1 nghìn tỷ (+379% yoy), chủ yếu nhờ giảm chi phí thuế TNDN.

Mảng BĐS chuyển nhượng có triển vọng ổn định, BĐS cho thuê hồi phục rõ rệt

- Quý 1/2021, lĩnh vực Bất động sản bán của Vingroup ghi nhận doanh số bán 1,600 căn với giá trị 6 nghìn tỷ (+100%yoy), bàn giao 2,900 căn bán lẻ. Doanh thu bán BĐS (bao gồm bán buôn, hợp đồng BCC) và LNST của riêng Vinhomes (VHM) quý 1/2021 đạt lần lượt 12.6 nghìn tỷ đồng (-29%yoy) và 5.4 nghìn tỷ đồng (-21%yoy). Doanh số bán chưa ghi nhận của VHM tại cuối quý đạt 55.4 nghìn tỷ đồng.
- Trong năm 2021, VHM phần đầu đạt doanh số bán hàng 91 nghìn tỷ (+15% yoy), 70% đến từ ba đại dự án hiện tại và 30% đến từ các dự án mới như Vinhomes Dream City, Wonder Park, Vinhomes Cổ Loa. Bên cạnh đó, dự án Vinhomes Green Hạ Long Xanh dự kiến khởi công đầu 2022.
- Đối với mảng bất động sản khu công nghiệp, cuối quý 2, đầu quý 3, VHM sẽ nhận chuyển nhượng theo giá trị sổ sách một số diện tích KCN từ VinFast.
- Với Vincom Retail, doanh thu quý 1/2021 đạt 1.7 nghìn tỷ đồng, +18%yoy; LNST đạt 781 tỷ, +59%yoy, tổng GFA đạt 1,65 triệu m2 (+3.5%yoy). Tỷ lệ lấp đầy đạt 84.4%, giảm 0.5 điểm phần trăm so với cùng kỳ. KQKD của VRE hồi phục do không còn phải chi gói hỗ trợ 300 tỷ như trong quý 1/2020. Năm 2021, VRE dự kiến mở mới 1 Megamall và 2 Vincom Plaza, với tổng GFA khoảng 100,000 m2. VRE cũng dự kiến cung cấp gói hỗ trợ trị giá 250 tỷ dưới dạng voucher, quà tặng trong năm 2021.

Mảng sản xuất: triển khai ô tô điện, đang xem xét các hoạt động huy động vốn quốc tế

- Doanh thu mảng sản xuất đạt hơn 4.8 nghìn tỷ đồng (+48%yoy). Lỗ trước thuế mảng sản xuất khoảng 4.8 nghìn tỷ đồng.
- Trong quý 1, VinFast bán được gần 6,900 xe ô tô và 6,100 xe máy, đứng đầu về thị phần trong các phân khúc. VinFast đặt ra kế hoạch bán hàng 2021 với 42.000 ô tô và 216.000 xe máy điện. Công ty kì vọng hòa vốn EBITDA vào năm 2023 khi tiêu thụ được khoảng 100.000 xe ô tô điện.
- Cho tới cuối quý 1, tổng vốn đầu tư của VinFast vào khoảng 4.4 tỷ USD. Capex trung bình của Vinfast cho 1 mẫu ô tô điện (EV) khoảng 300-500 triệu USD. Trong năm 2021-2022, VinFast dự kiến giới thiệu 3 mẫu EV và hướng tới tiếp cận các thị trường Mỹ, Đức, Pháp, Anh, Hà Lan. Công ty dự kiến sẽ áp dụng chiến lược bán hàng thuê bao pin (battery subscription), nhằm giảm chi phí mua xe ban đầu của khách hàng, và mang tới cho khách hàng công nghệ pin tiên tiến nhất khi thay thế pin mà không mất thêm chi phí, giúp tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm.
- Trong quý 1/2021, Vinsmart đạt doanh thu khoảng 1.3 nghìn tỷ. Công ty đã giới thiệu các sản phẩm mới về điện thoại, máy lọc không khí và các giải pháp thành phố thông minh và nhà thông minh.

Các mảng hoạt động khác

- Mảng du lịch nghỉ dưỡng đạt doanh thu 932 tỷ (-48% yoy), lỗ hơn 2.8 nghìn tỷ do chịu ảnh hưởng của Covid-19, đặc biệt là trong tháng 2. Tuy nhiên, số liệu tháng 3 cho thấy dấu hiệu hồi phục khi số lượng đêm phòng đạt 74.000 (+84% MoM)

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

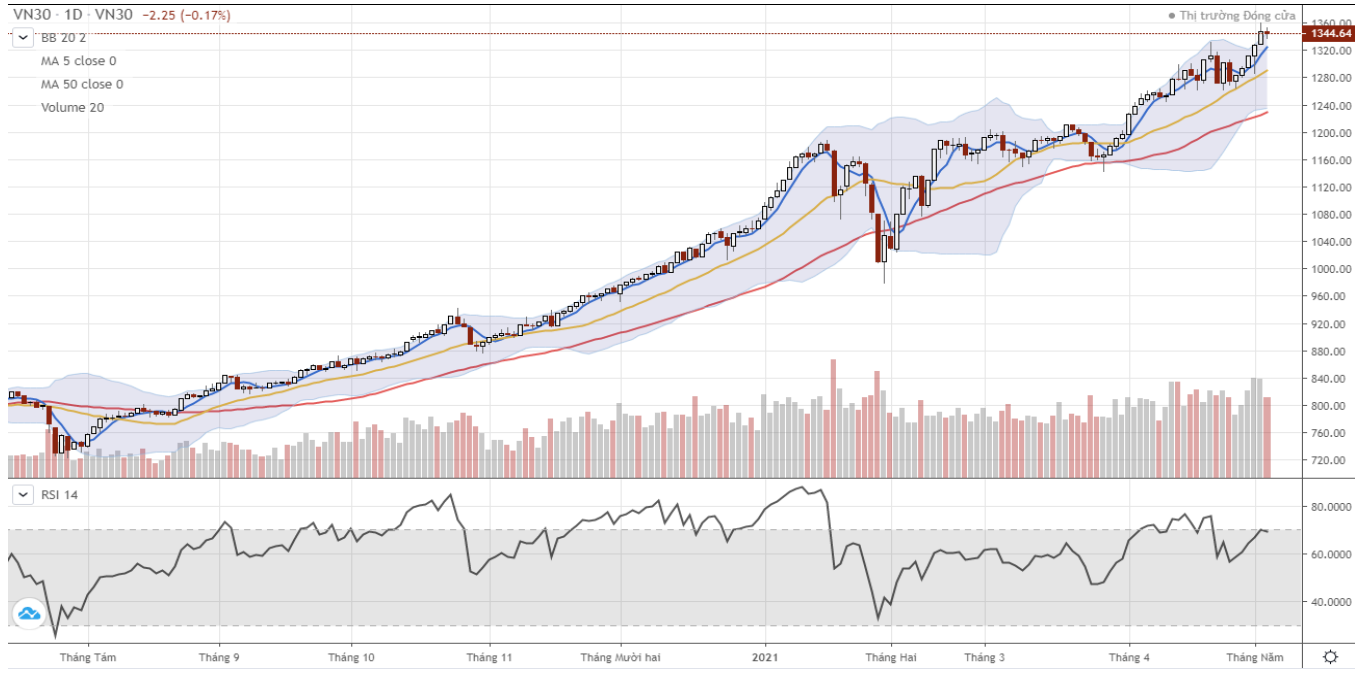
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex giảm co và đối mặt với áp lực giảm điểm trong phiên chiều.
- Chỉ số đang trải qua diễn biến rung lắc mạnh nhưng khi xu hướng tăng ngắn hạn đang được bảo lưu, cơ hội thử thách lại vùng đỉnh cũ vẫn được để ngỏ.
- NĐT được khuyến nghị ưu tiên tập trung cho các vị thế ngắn hạn, nắm giữ 1 phần nhỏ và trading quay vòng phần còn lại, trong nhịp này.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1349 - 1354

Kháng cự gần: 1339 - 1341

Hỗ trợ gần: 1333 - 1335

Hỗ trợ xa: 1324 - 1327

— F1 diễn biến giằng co trong phiên hôm nay và tạo mẫu hình nền trung tính.

— Trạng thái thị trường vẫn không thay đổi với xu hướng tăng ngắn hạn đang chi phối mặc dù áp lực rung lắc trở nên rõ nét hơn.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Giao dịch linh hoạt 2 chiều.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế qua đêm đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

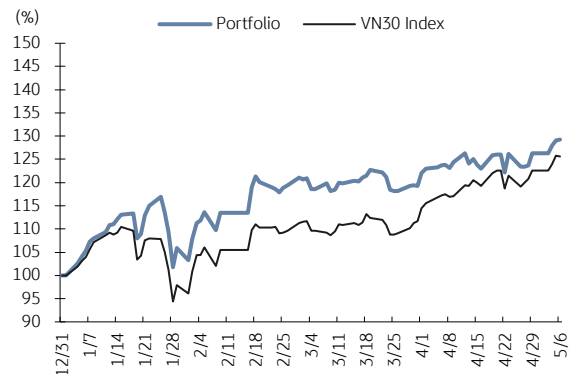
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.17%	0.17%
Tăng lũy kế (YTD)	25.58%	29.25%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 06/05/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	142,000	0.8%	22.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	38,400	0.0%	57.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	96,000	-1.0%	25.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	31,600	-0.3%	86.0%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	55,100	4.4%	62.1%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	82,700	-0.2%	147.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	42,900	-1.0%	75.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	84,900	-0.7%	15.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	59,400	0.2%	204.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	37,600	-0.3%	174.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
STB	-1.2%	11.2%	118.5
HSG	4.2%	7.6%	65.2
MBB	-0.3%	22.9%	57.6
NVL	2.0%	8.2%	50.7
DHC	0.9%	30.0%	31.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VPB	2.0%	22.7%	-311.7
VNM	-2.6%	55.4%	-287.3
HPG	0.2%	30.3%	-229.2
KBC	-0.3%	22.0%	-102.1
MSB	0.5%	29.9%	-97.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-2.3%	8.4%	0.8
SHB	2.1%	4.0%	0.6
TDN	1.2%	0.9%	0.6
IDV	-2.5%	18.3%	0.5
NTP	-1.1%	19.0%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
GLT	8.0%	14.0%	-19.5
VND	-0.3%	24.4%	-12.2
PAN	0.0%	37.0%	-5.8
SHS	-2.5%	9.0%	-4.8
PVC	-3.9%	7.3%	-0.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	3.1%	TCB, VPB
Tài nguyên Cơ bản	2.8%	HPG, HSG
Dịch vụ tài chính	2.3%	FUEVFNVD, VND
Công nghệ thông tin	1.7%	FPT, CMG
Dầu khí	1.4%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-4.7%	ADG, YEG
Thực phẩm và đồ uống	-3.5%	VNM, SAB
Du lịch và Giải trí	-2.8%	HVN, VJC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.9%	ASG, TMS
Bảo hiểm	-1.8%	BVH, MIG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	18.3%	HPG, HSG
Bất động sản	5.4%	NVL, VIC
Bán lẻ	4.6%	MWG, PSH
Ngân hàng	4.2%	VPB, TCB
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.2%	PNJ, AAT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-15.8%	YEG, PNC
Du lịch và Giải trí	-11.3%	HVN, VJC
Dầu khí	-9.5%	PLX, PVD
Bảo hiểm	-8.7%	BVH, MIG
Hóa chất	-8.2%	GVR, PHR

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	351,213 (15.2)	22.5	82.6	52.6	14.7	8.1	10.4	4.8	4.4	-0.9	0.3	4.3	22.5
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	577,627 (25.0)	26.6	10.6	8.8	35.9	31.2	28.3	2.8	2.2	-0.9	-1.3	-2.9	10.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	252,792 (11.0)	17.8	24.9	19.9	-7.6	9.3	10.5	2.3	2.0	-1.3	2.0	10.9	-0.6
	NVL	NO VA LAND INVES	81,500	86,712 (3,768)	306,764 (13.3)	31.3	34.0	26.3	6.7	13.5	15.4	4.4	3.7	2.0	11.7	56.3	107.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	34,300	19,167 (833)	148,172 (6.4)	11.6	16.7	12.6	18.0	15.2	17.6	2.3	2.0	-0.3	5.5	17.8	24.4
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	186,475 (8.1)	13.9	17.0	8.4	-	10.9	18.9	1.6	1.3	1.1	1.5	-3.7	46.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	208,652 (9.0)	6.3	17.2	14.0	11.7	20.6	21.6	3.1	2.7	-1.9	0.3	-2.6	1.4
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	137,247 (5.9)	12.7	16.8	11.8	-5.3	12.0	15.2	1.8	1.5	-1.6	2.2	-9.8	-13.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	590,685 (25.6)	0.0	11.0	9.4	14.3	18.4	18.0	1.9	1.6	2.5	19.2	11.6	49.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,955)	688,369 (29.8)	1.4	9.1	8.3	61.1	19.5	19.0	1.6	1.4	-1.0	8.2	-0.2	24.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	764,243 (33.1)	0.0	12.5	10.5	18.8	20.6	19.9	2.4	1.9	2.0	16.2	33.0	90.2
	MBB	MILITARY COMMERC	26,200	73,327 (3,187)	577,274 (25.0)	0.0	8.5	7.1	14.6	19.8	20.3	1.6	1.3	-0.3	6.8	0.6	38.7
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	144,576 (6.3)	4.2	8.4	7.1	23.3	20.4	20.5	1.7	1.5	-0.9	7.5	4.3	21.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	961,949 (41.7)	14.0	16.8	10.1	26.5	9.7	13.5	1.5	1.3	-1.2	5.6	7.3	44.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	150,025 (6.5)	0.0	7.1	5.4	37.5	23.3	23.4	1.4	1.1	-1.7	3.9	0.0	5.0
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	38,680 (1.7)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-	-1.5	-1.1	11.7	34.0
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	60,214 (2.6)	21.0	24.2	20.4	15.2	8.2	9.5	2.0	1.8	-0.5	-1.6	-9.1	-15.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	17,321 (0.8)	14.2	13.9	12.1	9.1	9.3	10.2	1.1	1.0	-0.4	2.5	9.7	-7.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	448,041 (19.4)	55.4	14.7	13.7	-3.2	12.7	12.8	-	-	-2.2	3.3	-6.1	-0.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	55,000	9,108 (396)	97,633 (4.2)	71.9	13.7	-	-4.0	15.5	-	-	-	-0.3	2.4	-5.3	9.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	126,127 (5.5)	52.4	16.6	-	-19.0	15.4	-	2.1	-	-0.3	6.0	-3.6	1.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	27,500	5,734 (249)	265,014 (11.5)	27.2	-	-	36.3	11.2	-	-	-	-0.3	9.4	15.3	28.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	421,168 (18.3)	42.1	17.4	15.9	4.0	34.5	34.9	5.5	5.0	-2.6	-6.4	11.7	-17.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	30,383 (1.3)	36.9	19.3	16.5	7.3	25.4	26.0	4.3	3.9	-2.7	-8.1	12.4	-20.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	295,073 (12.8)	16.5	40.8	24.8	-51.9	13.8	20.5	5.9	4.7	-0.4	-2.4	4.0	7.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	168,113 (7.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-3.1	-6.3	-23.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	69,662 (3.0)	11.0	59.1	20.9	-88.5	5.2	18.8	3.9	3.1	-2.0	-4.1	-8.3	-2.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	82,298 (3.6)	10.8	21.1	16.3	-57.0	7.9	10.8	1.7	1.7	-1.3	3.9	0.7	6.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	53,034 (2.3)	38.4	12.1	8.5	65.7	8.8	10.6	1.0	1.0	-0.7	-1.5	18.8	-5.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	287,484 (12.5)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	2.3	-1.5	32.7	159.7
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,600	10,411 (452)	186,192 (8.1)	37.7	23.3	12.3	-12.7	9.9	14.7	-	-	-0.6	2.3	4.1	18.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	40,601 (1.8)	3.6	9.0	8.6	-52.4	6.1	6.7	0.6	0.6	-0.2	0.0	13.2	-19.6
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	31,172 (1.4)	0.0	9.6	8.1	-4.5	14.6	13.0	1.3	1.5	4.4	8.0	3.4	12.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	81,113 (3.5)	46.1	16.0	15.3	-17.5	19.5	20.0	3.1	2.9	-0.7	4.2	-5.4	-2.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	11,054 (0.5)	31.4	12.9	10.5	-10.5	12.6	15.8	1.4	1.5	-0.5	1.5	-7.4	-15.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	16,145 (0.7)	34.1	11.9	11.5	-5.1	11.6	12.3	1.4	1.4	-1.6	2.0	-5.0	13.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	43,850	145,287 (6,314)	1,378,460 (59.8)	18.0	9.6	8.4	21.9	29.2	26.0	2.5	2.2	0.2	5.5	20.2	43.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	25,922 (1.1)	36.5	10.5	12.7	-0.5	9.1	7.5	0.9	0.9	-2.9	-1.3	-	-2.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	46,733 (2.0)	46.5	15.3	16.2	-4.5	9.6	9.0	1.3	1.3	-1.2	-0.6	-	14.6
	HSG	HOA SEN GROUP	24,900	11,063 (481)	354,599 (15.4)	38.9	9.1	8.7	67.9	21.9	21.4	1.9	1.6	4.2	11.1	22.5	57.6
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	86,483 (3.7)	97.2	10.3	9.3	17.2	10.3	11.0	0.9	0.9	-2.8	-5.1	-3.4	10.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	71,076 (3.1)	4.6	19.0	15.3	-51.0	16.6	17.4	2.7	2.6	-0.2	4.5	-9.0	-7.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	124,912 (5.4)	39.9	31.3	15.1	-11.9	1.6	3.1	0.6	0.6	1.5	7.5	-	24.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	54,144 (2.3)	35.9	8.2	7.5	1.2	13.7	13.9	1.1	1.0	-2.6	3.7	-3.4	20.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	147,713 (6.4)	0.0	13.5	10.8	13.7	27.6	27.8	3.3	2.8	0.8	0.1	6.5	19.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	62,686 (2.7)	0.0	17.5	13.7	2.4	22.7	23.9	3.7	3.1	-1.0	0.0	7.9	18.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	8,050 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-2.3	-8.0	-	-50.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	43,554 (1.9)	30.3	17.6	13.1	-75.2	10.5	13.3	1.7	1.6	-1.6	3.0	-	-13.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	35,020 (1.5)	34.6	8.4	8.4	41.2	26.4	23.4	2.0	2.1	-1.3	2.4	-	-18.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,511 (0.1)	45.4	17.7	16.8	10.7	21.1	20.6	3.4	3.1	-0.5	2.5	2.9	-1.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	206 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	1.2	1.3	3.3	2.0
IT	FPT	FPT CORP	78,200	61,301 (2,664)	187,219 (8.1)	0.0	16.5	13.9	15.6	24.4	25.8	3.5	3.1	-0.2	2.5	4.2	39.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhthv@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhthp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.